

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH**

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Kế toán  
Mã ngành : 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng, Năm 2012**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: **TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYÊN**

Phản biện 2: **PGS.TS. NGUYỄN VIỆT**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày  
15 tháng 6 năm 2012

*\* Có thể tìm hiểu luận văn tại :*

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Kế toán quản trị là một bộ phận của hệ thống kế toán ra đời trong điều kiện kinh tế thị trường, cung cấp thông tin cho những nhà quản lý tại doanh nghiệp thông qua các báo cáo kế toán nội bộ.

Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực vận tải biển đã và đang tổ chức kế toán quản trị (KTQT). Nhưng trên thực tế việc tổ chức KTQT nói chung và KTQT chi phí nói riêng tại Công ty chưa khoa học, còn nhiều bất cập, mang nhiều nội dung tự phát, các công việc của KTQT chi phí được thực hiện đan xen giữa nhiều bộ phận mà không có bộ phận chuyên trách, nội dung của KTQT còn bị ảnh hưởng nặng nề bởi nội dung của kế toán tài chính (KTTC),

Xuất phát từ yêu cầu mang tính khách quan cả về lý luận lẫn thực tiễn nói trên, tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu “ Kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng”

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về kế toán quản trị chi phí, từ đó tìm ra nội dung, giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Liên quan đến việc quản trị chi phí và hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng.

- **Phạm vi nghiên cứu:** nghiên cứu về hoạt động kinh doanh vận tải biển, bóc xếp tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp cơ bản chủ yếu vận dụng để nghiên cứu luận văn là phương pháp duy vật biện chứng.

### 5. Những đóng góp của luận văn

- Nghiên cứu, hệ thống hoá những vấn đề cơ bản về lý thuyết kế toán quản trị chi phí đối với đơn vị vận tải biển, trung tâm trách nhiệm, đánh giá trách nhiệm của trung tâm chi phí trong hoạt động kinh doanh vận tải biển.

- Nghiên cứu, đánh giá, thực trạng tổ chức kế toán quản trị chi phí, kiểm soát chi phí của các trung tâm chi phí tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng.

- Đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí, kiểm soát chi phí của các trung tâm chi phí.

### 6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được trình bày thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán quản trị chi phí

Chương 2: Thực trạng kế toán quản trị chi phí và kiểm soát chi phí tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí và kiểm soát chi phí tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng.

## **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ**

### **1.1 TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ**

#### **1.1.1 Bản chất của kế toán quản trị và kế toán quản trị chi phí**

##### **1.1.1.1 Bản chất của kế toán quản trị**

Kế toán quản trị (KTQT) (Management accounting) là quá trình định dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập báo biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban quản trị để lập kế hoạch, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp, đảm bảo việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này.

KTQT là một bộ phận quan trọng của hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp và có quan hệ chặt chẽ với KTTC, KTQT được hình thành và thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, có nhiệm vụ cung cấp thông tin kế toán cho các nhà quản trị doanh nghiệp.

Vai trò của KTQT ngày càng được khẳng định và nó được xem như là một trong những công cụ phục vụ hữu hiệu nhất cho quản lý nội bộ doanh nghiệp.

##### **1.1.1.2 Bản chất của kế toán quản trị chi phí**

Đối với những nhà quản lý thì các chi phí là mối quan tâm hàng đầu, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của những chi phí đã chi ra. KTQT chi phí cung cấp bao gồm cả những thông tin quá khứ và những thông tin có tính dự báo thông qua việc lập kế hoạch và dự toán trên cơ sở định mức chi phí nhằm kiểm soát chi phí thực tế, đồng thời làm căn cứ cho việc lựa chọn các quyết

định về giá bán sản phẩm, ký kết hợp đồng, tiếp tục sản xuất hay thuê ngoài...

KTQT chi phí quan tâm đến việc lập dự báo của thông tin và trách nhiệm của nhà quản trị các cấp nhằm gắn trách nhiệm của họ với chi phí phát sinh qua hệ thống trung tâm chi phí được cung cấp bởi các trung tâm chi phí trong doanh nghiệp

#### **1.1.2 Kế toán quản trị chi phí với chức năng quản lý**

Các chức năng cơ bản của quản lý là: hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát, đánh giá. Như vậy, để làm tốt các chức năng quản lý, nhà quản trị phải có thông tin cần thiết để có thể ra các quyết định đúng đắn.

Vì vậy, KTQT thiết kế, tổng hợp, phân tích và truyền đạt thông tin, đặt chúng trong bối cảnh đã hoạch định nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho các chức năng quản trị được thể hiện như sau:

- Cung cấp thông tin cho quá trình lập kế hoạch và dự toán
- Cung cấp thông tin cho quá trình tổ chức thực hiện
- Cung cấp thông tin cho quá trình kiểm tra giám sát
- Cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định

### **1.2 ĐẶC ĐIỂM VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI BIỂN.**

#### **1.2.1 Đặc điểm của kế toán quản trị chi phí trong công tác quản lý chi phí trong hoạt động vận tải biển**

- Chi phí trong hoạt động vận tải biển phát sinh trong quá trình sản xuất vận tải biển cũng diễn ra đồng thời với tiêu thụ sản phẩm vận tải biển.

- Hoạt động vận tải biển mang tính chất phục vụ, sản phẩm vận tải biển ở dạng vô hình không dự trữ được, không có sản phẩm dở dang, không có thành phẩm.

- Giá trị của 1 đơn vị sản phẩm vận tải biển tăng lên tỉ lệ thuận với yêu cầu về giá trị sử dụng sản phẩm vận tải biển của chủ hàng và khách hàng.

- Kết quả kinh doanh của hoạt động vận tải biển phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khách quan bên ngoài khó có thể kiểm soát được như: địa hình, cơ sở hạ tầng giao thông, thời tiết...

### **1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán quản trị chi phí trong công tác quản lý chi phí trong hoạt động vận tải biển**

- Chọn lọc và ghi chép số liệu về các loại chi phí.
- Phân tích sự thay đổi chi phí, mối quan hệ giữa các loại chi phí.
- Lập dự toán và truyền đạt thông tin.
- Kiểm tra, kiểm soát, hoạt động thông tin từ trước, trong và sau quá trình hoạt động kinh doanh.
- Lập báo cáo về chi phí hỗ trợ cho nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định

## **1.3 NỘI DUNG CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VẬN TẢI BIỂN**

### **1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất phục vụ vận chuyển trong vận tải biển**

#### **1.3.1.1. Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế**

Các chi phí vận chuyển đường biển được chia thành các yếu tố chi phí. Các yếu tố chi phí là các chi phí thể hiện lên tất cả những chi phí có cùng nội dung kinh tế, chúng không phân biệt địa điểm, phát sinh và không chú ý đến mục đích sử dụng.

#### **1.3.1.2. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với phương pháp kế toán**

Các chi phí vận chuyển được chia thành hai loại, đó là chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

#### **1.3.1.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí và sản lượng vận chuyển**

Theo cách phân loại này toàn bộ chi phí vận chuyển được phân làm hai loại, đó là chi phí cố định và chi phí thay đổi.

#### **1.3.1.4. Phân loại chi phí theo tác nghiệp vận tải**

Theo cách phân loại này thì các chi phí được chia thành hai loại: Các chi phí khi tàu chạy và các chi phí khi tàu đỗ.

#### **1.3.1.5. Phân loại chi phí theo công dụng và địa điểm phát sinh của chi phí**

Theo cách phân loại này các chi phí vận chuyển được chia thành các khoản mục chi phí. Các khoản mục chi phí là các chi phí được tập hợp có chú ý đến địa điểm và công dụng phát sinh của nó gồm:

- Nhóm chi phí duy trì tàu
- Nhóm chi phí khai thác tàu

### **1.3.2. Tổ chức thu thập thông tin chi phí và nhận diện chi phí**

### **1.3.3. Phương pháp tập hợp và xác định chi phí**

Trước hết ta cần xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, vì đây là công việc hàng đầu quan trọng trong toàn bộ công tác tổ chức kế toán quản trị chi phí.

Phương pháp tập hợp chi phí gồm có: Phương pháp trực tiếp, phương pháp phân bổ

Phương pháp xác định chi phí: Phương pháp xác định chi phí là phương pháp tổng hợp các chi phí liên quan đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

### 1.3.4 Lập dự toán chi phí trong các doanh nghiệp vận tải biển

#### 1.3.4.1 Khái quát lập dự toán chi phí trong các doanh nghiệp vận tải biển

Trong các chức năng của quản lý, lập kế hoạch là chức năng quan trọng không thể thiếu đối với mọi doanh nghiệp. Dự toán là một loại kế hoạch nhằm liên kết các mục tiêu cụ thể, chỉ rõ các tài nguyên phải sử dụng, đồng thời dự tính kết quả thực hiện trên cơ sở các kỹ thuật dự báo.

Trong các xí nghiệp vận chuyển đường biển ta phải lập dự toán chi phí cố định và chi phí thay đổi cho một tàu ngày, cho một chuyến đi và cho một năm khai thác theo các khoản mục chi phí.

#### 1.3.4.2. Lập dự toán chi phí trong các doanh nghiệp vận tải biển

##### a, Dự toán chi phí cố định khai thác tàu trong chuyến đi

- Dự toán chi phí thuyền viên cho một tàu ngày khai thác
- Dự toán chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên
- Dự toán chi phí bảo hiểm tàu và đồ vật trên tàu
- Dự toán chi phí vật liệu và phụ tùng thay thế
- Các loại dự toán khác: Dự toán chi phí bảo hiểm xã hội, dự

toán chi phí khấu hao, dự toán chi phí vận hành khác trong chuyến đi, dự toán chi phí quản lý khai thác tàu

##### b, Dự toán chi phí biến đổi hoạt động của tàu trong chuyến đi

- Dự toán chi phí nhiên liệu lúc tàu chạy trong một chuyến đi
- Dự toán chi phí lúc tàu đỗ ở cảng trong chuyến đi

##### c, Lập dự toán linh hoạt

Dự toán linh hoạt là dự toán được xây dựng dựa trên một phạm vi hoạt động thay vì một mức hoạt động.

Dự toán linh hoạt được xây dựng trên mô hình ứng xử của chi phí thông qua bốn bước thực hiện:

- Bước 1: Xác định phạm vi phù hợp cho đối tượng được lập dự toán.

- Bước 2: Xác định cách ứng xử của chi phí, tức phân loại chi phí thành định phí và biến phí. Đối với chi phí hỗn hợp, cần phân chia thành biến phí và định phí dựa trên các phương pháp ước lượng chi phí.

- Bước 3: Xác định biến phí đơn vị dự toán

- Bước 4: Xây dựng dự toán linh hoạt cụ thể:

### 1.3.5. Giá thành vận chuyển đường biển

#### 1.3.5.1 Khái niệm chung về giá thành vận chuyển đường biển

#### 1.3.5.2 Phân loại giá thành và tính giá thành vận chuyển đường biển

##### a, Giá thành vận chuyển một tấn hàng

Ta có: 
$$S_t = \frac{\sum C_i}{\sum Q_i}$$

Trong đó:  $S_t$  : Giá thành vận chuyển một tấn hàng

$\sum Q_i$  : Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển của tàu hoặc đội tàu trong thời kỳ tính toán

$\sum C_i$  : Tổng chi phí của tàu hoặc đội tàu trong thời kỳ tính toán

##### b, Giá thành vận chuyển một tấn – hải lý

Ta có: 
$$S_{t,hl} = \frac{\sum C_i}{\sum Q_i \cdot L_i}$$

Trong đó:  $S_{t,hl}$ : Giá thành vận chuyển một tấn – hải lý trong thời kỳ tính toán

$\sum Q_i \cdot L_i$ : Tổng lượng luân chuyển hàng hóa của tàu hoặc đội tàu trong thời kỳ tính toán

$\sum C_i$ : Tổng chi phí của tàu hoặc đội tàu trong thời kỳ tính

toán

### 1.3.6 Kiểm soát chi phí

#### 1.3.6.1 Kiểm soát chi phí sản xuất

Đối với chi phí nhân công trực tiếp và chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thì phân tích sự biến động về lượng và biến động về giá.

Đối với chi phí sản xuất chung phân tích biến động biến phí sản xuất chung và định phí sản xuất chung

#### 1.3.6.2 Kiểm soát chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Cũng xét trên biến động biến phí và định phí tương tự như chi phí sản xuất chung.

### 1.3.7 Phân tích thông tin chi phí thích hợp để ra các quyết định kinh doanh của nhà quản trị

#### 1.3.7.1 Phân tích chi phí theo các trung tâm chi phí

Trung tâm cung ứng, trung tâm sản xuất, trung tâm tiêu thụ, trung tâm quản lý, trung tâm đầu tư

#### 1.3.7.2 Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – sản lượng – lợi nhuận (CVP)

Phân tích mối quan hệ giữa chi phí - sản lượng – lợi nhuận (CVP) là một kỹ thuật được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của những thay đổi về chi phí, giá bán và sản lượng đối với lợi nhuận của

doanh nghiệp. Việc phân tích này có tác dụng trong việc ra quyết định của nhà quản trị.

#### 1.3.7.3 Phân tích thông tin chi phí thích hợp cho việc ra các quyết định kinh doanh

Thông tin chi phí thích hợp sẽ khác nhau khi so sánh lựa chọn các phương án kinh doanh. Tuy nhiên tùy theo từng mục đích mà kế toán sử dụng thông tin thích hợp cho việc ra quyết định. Các nhà KTQT chi phí phải phân loại và nhận diện chi phí một cách đúng đắn nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị chi phí. Mô hình phân tích thông tin chi phí thích hợp giúp nhà quản trị có những thông tin nhanh hơn nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học và chính xác.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

## CHƯƠNG 2:

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ VÀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG

#### 2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG

##### 2.1.1 Quá trình hình thành của Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng.

- Ngày 28 tháng 6 Ủy Ban Nhân Dân thành phố Quảng Nam – Đà Nẵng ra quyết định số 1041/QĐ-UB V/v thành lập Công ty vận tải biển Quảng Nam – Đà Nẵng trực thuộc sở giao thông công chính Thành phố Đà Nẵng.

- Ngày 14 tháng 09 năm 1985 tách Công ty Vận tải Sông biển Quảng Nam – Đà Nẵng thành hai công ty: Công ty vận tải xuất nhập khẩu, Công ty vận tải sông biển Quảng Nam – Đà Nẵng

- Đến ngày 15 tháng 05 năm đổi tên và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp nhà nước. Công ty đổi tên thành Công ty vận tải biển thương mại – trực thuộc sở giao thông vận tải QN-ĐN.

- Ngày 31/12/1997 đổi tên Công ty vận tải biển và thương mại QN-ĐN thành Công ty vận tải biển và thương mại Đà Nẵng trực thuộc Sở giao thông công chính Đà Nẵng.

- Ngày 30/12/2006 chuyển công ty vận tải biển và thương mại Đà Nẵng thành Công ty cổ phần với tên gọi mới là: **CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG**

##### 2.1.2 Quá trình phát triển

- Năm 1978 đến năm 1982: Công ty chỉ có 5 chiếc tàu gỗ có trọng tải từ 50-100 tấn, được mua lại từ tư nhân.

- Từ năm 1982-1983: đóng mới 2 tàu sắt là tàu Vĩnh Điện và tàu Phú Ninh, với mỗi chiếc có trọng tải là 400 tấn.

- Năm 1983-1985: tiếp tục đầu tư để Công ty mua thêm 2 chiếc tàu cũ của Nhật Bản là tàu Sông Thu và tàu Đà Nẵng.

- Lao động năm 2007 là 100 người đến năm 2008 là 105 người, đến năm 2011 chỉ còn lại 97 người. Hiện nay, Công ty có ba chiếc tàu biển: Tàu Thuận Phước, tàu Thuận Phước 09, Tàu Chu lai.

#### 2.2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG

##### 2.2.1 Chức năng, nhiệm vụ

Kinh doanh vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương. Kinh doanh vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa. Kinh doanh vận tải đường thuỷ. Kinh doanh vận tải hàng. Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ. Bốc xếp hàng hoá. Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Dịch vụ đóng gói. Gia công cơ khí. Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện. Đại lý, môi giới, đấu giá máy móc thiết bị. Kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất. Nuôi trồng thuỷ sản biển và nội địa. Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản. Kinh doanh trang thiết bị bảo hộ lao động. Kinh doanh hàng da và giả da. Kinh doanh hàng mỹ phẩm, chế biến vệ sinh. Kinh doanh hàng gốm, sứ, thuỷ tinh, đồ điện gia dụng. Kinh doanh sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. Kinh doanh dụng cụ thể dục, thể thao, trang thiết bị văn phòng. Sửa chữa tàu biển, phương tiện thuỷ.

##### 2.2.2 Cơ cấu bộ máy tổ chức:

Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng là công ty cổ phần với 30% vốn của nhà nước, hoạt động theo luật công ty cổ phần và luật doanh nghiệp. Hệ thống tổ chức quản lý của Công ty như sau:

\* Đại hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị, ban kiểm soát

\* Ban Giám Đốc: Giám đốc, hai phó Giám đốc

\* Các phòng nghiệp vụ: Bộ phận kỹ thuật, vật tư, Bộ phận tổ chức hành chính, Bộ phận kế toán tài vụ, Bộ phận kế hoạch khai thác

### **2.2.3 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng**

## **2.3 TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG**

### **2.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán**

Người đứng đầu của bộ máy kế toán là kế toán trưởng, dưới kế toán trưởng gồm có bốn nhân viên kế toán đảm nhận các phần hành kế toán sau: Kế toán vật tư, tài sản cố định, hàng tồn kho; kế toán vốn bằng tiền và thanh toán; kế toán tiền lương, BHXH, BHYT; thủ quỹ kiêm công nợ. Các nhân viên này cũng có trách nhiệm theo dõi tình hình hạch toán ở các đơn vị phụ thuộc.

### **2.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các nhân viên kế toán**

- Kế toán trưởng: tham mưu cho giám đốc, tổ chức và hướng dẫn công việc cho các nhân viên

- Các phần hành kế toán: các nhân viên tự chịu trách nhiệm về công việc đã làm, báo cáo với kế toán trưởng.

## **2.4 PHÂN CẤP QUẢN LÝ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG**

### **2.4.1 Chi phí hoạt động kinh doanh**

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực

- Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp:

- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí khác bằng tiền

### **2.4.2 Chi phí hoạt động tài chính:**

Bao gồm các khoản chi liên quan đến đầu tư ra ngoài Công ty, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá khi thanh toán, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

### **2.4.3 Chi phí khác:**

Bao gồm chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định...

### **2.4.4 Kiểm tra, kiểm soát chi phí ở Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng**

Hiện nay, việc kiểm soát chi phí đối với Công ty không có một quy định cụ thể mà thông qua cơ chế quản lý tài chính.

Trong thực tế, việc kiểm tra, kiểm soát tài chính chỉ được thực hiện khi thay đổi, sắp xếp lại doanh nghiệp, chưa thực sự xây dựng một cơ chế giám sát chặt chẽ và rõ ràng.

Nhìn chung việc kiểm tra giám sát tại Công ty mới chỉ dừng lại ở mức nắm được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vào cuối tháng, quý, năm mà chưa ban hành một hệ thống kiểm soát quản trị cho phép thấy được thực chất hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Chưa xây dựng được các báo cáo, theo dõi chi phí của từng hoạt động để đánh giá hiệu quả kinh doanh, chưa có một giải pháp hợp lý để kiểm soát chi phí để hạn chế những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của **đơn vị**.



## **2.5 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN KTQT CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG**

### **2.5.1 Công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng.**

#### **2.5.1.1 Kế toán nguyên vật liệu trực tiếp**

Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho kinh doanh vận tải biển gồm: nhiên liệu, dầu mỡ phụ, vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ được tập hợp và phản ánh vào tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” chi tiết theo từng loại tàu biển

Nhiên liệu tồn cuối quý vẫn được hạch toán trên tài khoản 1523. Toàn bộ nhiên liệu tiêu hao và được quyết toán trong quý được kế toán kết chuyển vào tài khoản 154 để tính giá thành.

#### **2.5.1.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất (Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, thủy thủ...), các khoản phụ cấp và các khoản trích theo lương. Tiền lương của công nhân trực tiếp được hạch toán vào tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp. Cuối kỳ được kết chuyển vào tài khoản 154 để tính giá thành.

#### **2.5.1.3 Kế toán chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung bao gồm: Chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho sửa chữa thường xuyên, chi phí sửa chữa lớn, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Tài khoản kế toán sử dụng là TK 627- Chi phí sản xuất chung. Cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 để tính giá thành. Chi phí sản xuất chung tại Công ty được theo dõi cho toàn hoạt động, chưa được theo dõi chi tiết.

### **2.5.2. Công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng**

Ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh được lập, Công ty còn ban hành nhiều quy chế, quy định, kế hoạch khác để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh hoạt động hiệu quả như: Kế hoạch sửa chữa tàu biển (Phụ lục số 1), dự toán sửa chữa các phương tiện vận tải khác (Phụ lục số 2, phụ lục số 3, phụ lục số 4), quy chế tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp (Bảng 2.8), quy chế kiểm soát nhân viên vắng mặt, kiểm soát giờ giấc làm việc, giao việc và đánh giá kết quả công việc (Phụ lục số 5), quy chế phụ cấp thâm niên (Phụ lục số 6)

### **2.5.3 Kế toán chi tiết cung cấp thông tin về chi phí cho hoạt động quản trị**

#### **2.5.3.1 Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh**

Hiện nay đơn vị phân loại chi phí theo yếu tố và khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm như sau:

\* Phân loại chi phí theo yếu tố, chi phí sản xuất kinh doanh

\*Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm

#### **2.5.3.2 Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành vận tải biển**

\* Đối tượng tập hợp chi phí: Vận tải biển, xếp dỡ, dịch vụ vận tải biển, kinh doanh thương mại

\* Phương pháp tập hợp chi phí: phương pháp trực tiếp.

\* Đối tượng tính giá thành: tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng vẫn chưa tách rời các hoạt động kinh doanh tương ứng với đối tượng tập hợp chi phí mà tính chung cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

### CHƯƠNG 3:

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG

### 3.1 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG THỜI GIAN ĐẾN

- Tiếp tục duy trì và phát triển vận tải biển, luôn coi vận tải biển là hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty.

- Tăng cường mở rộng kinh tế đối ngoại, đa dạng hoá công tác tiếp thị để mở rộng thị trường cạnh tranh.

- Phát triển lực lượng sản xuất thông qua việc thường xuyên làm tốt công tác quy hoạch, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực.

- Cùng cố phát triển thị trường trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng phát triển, đồng thời không ngừng nâng cao giá trị thương hiệu Danangship trên thị trường quốc tế.

### 3.2 SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG.

- Thông tin chi phí luôn là thông tin quan trọng đối với các nhà quản lý. KTQT chi phí ngày càng trở nên quan trọng và ngày càng khẳng định được vai trò của mình trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị.

- Đối với Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng, KTQT chi phí hiện nay chỉ dừng lại ở mức độ đơn giản, mang tính tự phát bắt nguồn từ nhu cầu thực tiễn, trên cơ sở kế thừa phương pháp lập kế hoạch của nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung nên công tác này không

tránh khỏi những hạn chế nhất định trong điều kiện các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

- Hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị chi phí giúp cho đơn vị đánh giá tốt và thực chất hơn hiệu quả kinh tế của từng dịch vụ, cơ cấu sản phẩm và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn.

### 3.3 NHỮNG YÊU CẦU CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN ĐÀ NẴNG

KTQT tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng làm tốt được các chức năng quản trị thì KTQT chi phí cần hướng đến các yêu cầu sau:

Một là, thông tin KTQT chi phí cần đáp ứng yêu cầu của lập kế hoạch và dự toán chi phí, là cơ sở cho công tác kiểm soát, đánh giá và nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hai là, Thông tin KTQT chi phí cung cấp cần phải đáp ứng yêu cầu của công tác tổ chức thực hiện.

Ba là, thông tin KTQT chi phí cần đáp ứng yêu cầu kiểm tra và đánh giá. Việc kiểm tra nhằm kiểm soát các hoạt động của toàn đơn vị và của từng lĩnh vực kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đơn vị.

Bốn là, Thông tin KTQT chi phí cung cấp cần phải đáp ứng yêu cầu ra quyết định.

Việc hoàn thiện hệ thống KTQT chi phí tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng thật sự trở thành một yêu cầu cấp thiết. Chính vì vậy đã đặt ra cho Công ty một yêu cầu là hoàn thiện KTQT chi phí tại Công ty.

### 3.4.1 Hoàn thiện hạch toán chi tiết cung cấp thông tin chi phí và thông tin giá thành cho quản trị Doanh nghiệp

#### 3.4.1.1 Xác định lại đối tượng tập hợp chi phí

Ta có thể xác định lại đối tượng tập hợp chi phí như sau:

Hoạt động vận tải biển: Từng chuyến hành trình biển: từng loại tàu biển hay từng đội tàu.

Hoạt động xếp dỡ: Từng đơn đặt hàng, từng loại hàng

Hoạt động dịch vụ vận tải: Theo từng đơn đặt hàng

#### **3.4.1.2 Xác định lại đối tượng tính giá thành**

Ta có thể xác định lại đối tượng tính giá thành như đối tượng tập hợp chi phí.

### **3.4.2 Tổ chức kế toán quản trị chi phí**

#### **3.4.2.1 Xây dựng mô hình kế toán quản trị kết hợp**

Người đứng đầu vẫn là kế toán trưởng, mô hình KTQT kết hợp gồm có hai bộ phận:

- Bộ phận kế toán tài chính gồm: Kế toán chi phí phải thu, phải trả, kế toán tổng hợp, kế toán tài sản, kế toán nguồn vốn và kế toán tại các đơn vị phụ thuộc

- Bộ phận kế toán quản trị gồm: Đội nghiên cứu và đề xuất dự án, đội lập kế hoạch dự toán, đội phân tích đánh giá.

Hai bên sẽ kết hợp và cung cấp thông tin cho nhau để phục vụ yêu cầu của nhà quản lý một cách tốt nhất.

#### **3.4.2.2 Lập báo cáo chi phí để phục vụ kiểm soát chi phí**

a, Báo cáo tình hình thực hiện chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu chịu sự tác động trực tiếp lượng nguyên vật liệu tiêu hao và đơn giá vật liệu mua vào. Sự biến động lượng nguyên vật liệu tiêu hao thuộc về trách nhiệm của bộ phận sản xuất, cũng có thể do giá mua vào hoặc những nhân tố chủ quan khác. Cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các thành viên trong chu trình cung cấp nguyên vật liệu để giúp doanh nghiệp kiểm soát được chi phí và

giảm thiểu những rủi ro. Vì vậy, ngoài các bảng kê nguyên vật liệu, Công ty nên lập báo cáo về tình hình thực hiện chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nhằm xác định mức biến động về định mức hay đơn giá nguyên vật liệu, từ đó xác định nguyên nhân và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

b, Báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công

Các báo cáo chi phí nhân công trực tiếp hiện nay tại Công ty chỉ mới dừng lại ở việc cung cấp thông tin để tính lương, chưa đi vào phân tích và đánh giá nguyên nhân của những biến động về chi phí nhân công theo hướng có lợi hay bất lợi. Để đáp ứng nhu cầu trên Công ty nên lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp.

c, Báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung

Nhằm giúp nhà quản trị kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng chi phí sản xuất chung, Công ty nên lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất chung .

#### **3.4.2.3 Xác định chức năng, nhiệm vụ của kế toán quản trị và kế toán tài chính theo từng phần hành kế toán**

- Kế toán trưởng

- Bộ phận kế toán tài chính

- Bộ phận kế toán quản trị

#### **3.4.2.4 Những mối liên hệ của kế toán quản trị**

Việc tổ chức bộ máy quản trị kết hợp sẽ tạo nên những mối liên hệ giữa bộ phận KTTC và KTQT, hai bên sẽ cung cấp thông tin cho nhau, giúp cho việc kiểm soát chi phí dễ dàng hơn.

### **3.4.3 Hoàn thiện thu thập thông tin chi phí phục vụ cho quản trị chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải biển**

#### **3.4.3.1 Tổ chức tài khoản kế toán**

Trên cơ sở hệ thống tài khoản kế toán sử dụng trong kế toán tài chính, luận văn đề xuất hệ thống tài khoản kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị: Sử dụng tài khoản cấp 1 và cấp 2 ban hành theo quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 2006 của Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp, mở các tài khoản chi tiết theo từng hoạt động kinh doanh và theo từng bộ phận phát sinh chi phí. Mở tài khoản cấp 2, cấp 3 bổ sung thêm 02 ký tự là mã sản phẩm dịch vụ hay theo từng hoạt động kinh doanh: Vận tải biển có mã: VT, Xếp dỡ có mã: XD, Dịch vụ vận tải có mã: DV, Kinh doanh thương mại có mã: KD. Mở tài khoản cấp 3, cấp 4 bổ sung thêm 01 ký tự số là mã trung tâm chi phí: Văn phòng Công Ty có mã là: 1, xí nghiệp cảng X50 có mã là: 2, Xí nghiệp sơn que hàn có mã là: 3

**Bảng 3.6: Danh sách các sản phẩm dịch vụ**

Mã số	Sản phẩm dịch vụ
VT	Vận tải biển
XD	Xếp dỡ
DV	Dịch vụ vận tải
KD	Kinh doanh thương mại

**Bảng 3.7: Danh sách các trung tâm trách nhiệm chi phí**

Mã số	Trung tâm trách nhiệm chi phí
1	Văn phòng chính Công ty
2	Xí nghiệp cảng X50
3	Xí nghiệp sơn que hàn

Thông qua hai bảng trên ta có bảng hệ thống tài khoản kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán.

### 3.4.3.2 Tổ chức hạch toán ban đầu

Việc hạch toán ban đầu là một công việc rất quan trọng, công việc kế toán đòi hỏi tính cẩn thận.

Với chi phí trực tiếp như tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí sửa chữa thường xuyên, chi phí thuê ngoài... khi những đối tượng chi phí này phát sinh liên quan đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí nào thì căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc tài liệu liên quan hàng ngày ghi vào sổ chi tiết cho từng đối tượng chịu chi phí đó.

- Đối với chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau. Vì vậy phải tiến hành tập hợp chi phí, sau đó phân bổ cho từng đối tượng chịu phí liên quan theo tiêu thức nhất định.

- Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng việc tổ chức chứng từ phản ánh các chi phí này tương tự như chi phí sản xuất chung.

### 3.4.3.3 Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí

Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Việc phân loại chi phí có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thiết kế, xây dựng mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận.

**Bảng 3.9: Bảng phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí**

Khoản mục chi phí	Biến phí	Định phí	Chi phí hỗn hợp
<b>A. Nhóm chi phí duy trì tàu</b>			
Tiền lương chính, các khoản phụ cấp cho cán bộ thuyền viên trên tàu như: Phụ cấp	X		

sông nước, phụ cấp chức vụ, phục vụ nhiều năm ( Cán bộ thuyền viên: Thuyền trưởng, thuyền phó, thủy thủ, máy trưởng....)			
Tiền thưởng cho cán bộ thuyền viên trên tàu (Thuyền trưởng, thuyền phó, thủy thủ, máy trưởng....)	X		
Bảo hiểm xã hội		X	
Chi phí tiền ăn cho thuyền viên		X	
.....			

### 3.5 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ THỰC THI CÁC GIẢI PHÁP

Việc hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng là vấn đề thiết thực cho công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao trình độ của khoa học quản lý. Ở nước ta việc nhận thức và hiểu biết về KTQT vẫn còn nhiều hạn chế và chưa hoàn toàn thống nhất cả về mặt lý luận và nhận thức. Vì thế về phía nhà nước và các cơ quan ban ngành cần phải:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kế toán DN cho phù hợp với nền kinh tế thị trường năng động có sự quản lý của Nhà nước
- Các ngành chức năng có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng, cung cấp tài liệu hướng dẫn những nội dung cần thiết của KTQT cho các kế toán viên và các nhà quản lý
- Cần có sự cải tiến chương trình và phương pháp đào tạo chuyên ngành KTQT tại các trường Đại học, Cao đẳng, và trung học chuyên nghiệp theo hướng chuyên sâu như một ngành ứng dụng trong thực tế.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

### KẾT LUẬN

Thực trạng KTQT ở Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng còn rất hạn chế vì vậy việc hoàn thiện KTQT chi phí ở Doanh nghiệp này là cần thiết, vì không những vấn đề này được quan tâm đến tầm vĩ mô mà cần có sự hỗ trợ của Nhà nước, các cơ quan quản lý nhằm thúc đẩy kinh doanh vận tải biển phát triển tốt hơn.

Trên cơ sở nghiên cứu, tổng hợp, phân tích cả về lý luận cũng như thực tiễn, luận văn đã giải quyết được một số nội dung sau:

Thứ nhất, hệ thống hoá được những lý luận cơ bản về KTQT chi phí

Thứ hai, phản ánh thực trạng KTQT chi phí của Công ty cổ phần vận tải biển Đà Nẵng từ đó nhận thấy được những mặt hạn chế cần phải hoàn thiện và đưa ra các giải pháp để hoàn thiện những mặt hạn chế đó.

Thứ ba, luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện: Xác định lại đối tượng hạch toán chi phí để phục vụ cho việc tính giá thành được chính xác hơn, đề xuất phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí nhằm phục vụ nhu cầu hạch toán và quản lý chi phí, hoàn thiện hệ thống báo cáo thực hiện về chi phí sản xuất nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản trị chi phí.

Luận văn đã đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu. Tuy nhiên, nền kinh tế còn diễn biến rất phức tạp trong khi KTQT mới chỉ được đề cập trong thời gian gần đây và còn khá mới mẻ đối với các Doanh nghiệp Việt nam, việc triển khai KTQT chi phí còn gặp rất nhiều khó khăn. Các giải pháp hoàn thiện KTQT chi phí tại đơn vị được rút ra từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn biến động không ngừng. Vì vậy, vẫn còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục.